

Bản án số: 63/2022/DS-PT

Ngày: 24/8/2022

**V/v: “Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản và Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”.**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chậu

Các Thẩm Phán: Bà Lê Thị Thái Lan

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hà –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLPT-DS ngày 18/5/2022 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXX- PT ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm: 1977. Địa chỉ: 39/13 L, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt. Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Bích H: Ông Trần Văn T sinh năm: 1975. Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc Q và luật sư Trần Thị Như T - Văn phòng luật sư D- Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Luật sư Trần Ngọc Q, có mặt.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn H, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Văn phòng công chứng P. Đại Lộ Hùng Vương, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

4. Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: Số 12, đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H ủy quyền cho ông Trần Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Trần Ngọc Q cùng thống nhất trình bày: Vào ngày 03/8/2012, bà Nguyễn Thị Đ nhờ bà H vay hộ bà Đ 540.000.000đ để giải chấp khoản vay của bà Đào tại Ngân hàng, đồng thời bà Đ rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng để thế chấp cho bà H. Quá hạn theo như cam kết, bà Đ không trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu trả gốc, không yêu cầu trả lãi; trong trường hợp bà Đ không trả thì bà H có quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ. Ngày 19/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên ra Quyết định số 37/2012/DSST công nhận thỏa thuận của các đương sự, giữa nguyên đơn bà H với bị đơn bà Đ. Sau khi quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật. Ngày 03/10/2012, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ra Quyết định số 18/QĐ-CCTHA cho thi hành án Quyết định số 37/2012/DSST. Đến ngày 14/3/2013, vợ chồng bà Đ, ông H ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Bích H quyền sử dụng đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, được Văn phòng công chứng Phú Yên công chứng. Nhưng ngày 26/8/2014, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T tiến hành bán đấu giá tài sản nhà, đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, ông A là người trúng đấu giá với số tiền 361.971.000đ. Căn cứ Công văn số 321 ngày 06/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T với nội dung ưu tiên thanh toán cho bà H nên chi cục thi hành án dân sự thành phố T đã chi trả toàn bộ số tiền 309.378.080đ cho bà H. Vợ chồng bà Đ, ông H còn nợ lại bà H 230.621.000đ. Do đó, bà H tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông H phải trả số tiền 230.621.000đ và lãi suất 7%/năm tính từ ngày 01/01/2014 cho đến nay. Yêu cầu tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên giữa bà Bùi Thị Bích H và bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn H được Văn phòng công chứng Phú Yên công chứng vì không còn giá trị. Về hậu quả hợp đồng không phát sinh hậu quả nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trình bày: Ông H, bà Đ thừa nhận có vay bà H 540.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng; nay không có tiền trả nên đồng ý chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (được UBND thị xã S cấp GCNQSD đất số BA 975563, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất số CH00108 ngày 20/4/2010) cho bà H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Ngày 10/7/2012, ông A khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền vay 1.090.000.000đ và tiền lãi. Ngày 08/8/2012, ông A có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn việc vợ chồng H, Đ chuyển dịch tài sản, nên ngày 13/8/2012, tòa án nhân dân thành phố T ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2012/QĐ-BPKCTT “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là vợ chồng ông H, bà Đ đối với nhà đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 60/2013/DS-PT ngày 10/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc

buộc vợ chồng ông H, bà Đ phải trả cho ông A số tiền trên, nhưng tuyên bố Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên không còn hiệu lực pháp luật. Ngày 26/8/2014, chi cục thi hành án dân sự thành phố T ký hợp đồng thẩm định giá nhà và đất tại khu phố D, phường X, thị xã S với số tiền 361.976.000đ. Ông Nguyễn Ngọc A đã trúng đấu giá và chi cục thi hành án giao nhận tài sản vào ngày 11/9/2014. Ngày 28/7/2017, TAND cấp cao tại Đà Nẵng hủy Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 37/2012/QĐST-DS ngày 19/9/2012 của TAND thành phố T. Do đó quyết định công nhận thỏa thuận giữa bà H và vợ chồng ông H, bà Đ không còn giá trị. Nay ông A yêu cầu bà H phải nộp số tiền mà bà H đã nhận cho chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố T trình bày: Căn cứ quyết định thi hành án số 18/2012/QĐCCTHA ngày 03/10/2012 để thi hành QĐ số 37/2012/DSST ngày 19/9/2012, giữa nguyên đơn bà H với bị đơn bà Đ và Bản án số 60/2013/DSPT ngày 10/9/2013, giữa nguyên đơn ông A với bị đơn bà Đ. Chi cục thi hành án ra Quyết định cưỡng chế xử lý tài sản kê biên thi hành án số 07/QĐ-THA ngày 18/11/2013 đối với nhà đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và nhà đất tại khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ngày 28/7/2014, Chi cục thi hành án đem tài sản nhà và đất tại khu phố D, phường X, thị xã S ra bán đấu giá thì ông A là người trúng đấu giá với số tiền 361.971.000đ. Căn cứ Công văn số 321 ngày 06/9/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T với nội dung ưu tiên thanh toán cho bà H nên Chi cục thi hành án đã cho chi toàn bộ số tiền trên cho bà H. Sau khi trừ chi phí thi hành án thì số tiền bà H thực nhận là 309.378.080đ. Ông Nguyễn Ngọc A khiếu nại về việc chi cục thi hành án không chia theo tỷ lệ cho ông A và bà H nhưng Chi cục thi hành án đã trả lời việc khiếu nại của ông là không có cơ sở. Hiện nay chi cục thi hành án đang tiến hành kê biên nhà đất của bị đơn bà Đ, ông H tại khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên để thi hành án theo quy định.

Văn phòng công chứng Phú Yên vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng: Các Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 697 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trả cho bà Bùi Thị Bích H số tiền gốc 540.000.000đ, tiền lãi 249.682.282đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 789.682.282đ (bảy trăm tám chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn hai trăm tám mươi hai đồng) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 11/3/2020) nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên giữa ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Đ và bà Bùi Thị Bích H được Văn phòng công chứng Phú Yên công chứng số 0721; quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/3/2013 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về hậu quả thi hành án: Buộc bà Bùi Thị Bích H phải hoàn trả cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 309.374.080đ (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm tám mươi đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/3/2022, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H, Văn phòng công chứng Phú Yên, Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác giữ nguyên trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án sơ thẩm số 249/2012/TLST-DS ngày 06/9/2012 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2012/QĐST-DS ngày 19/9/2012. Tại Quyết định giám đốc thẩm 92/2017/DS-GĐT ngày 28/8/2017, của Ủy ban Thẩm Phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy Quyết định số 37/2012/QĐST-DS ngày 19/9/2012, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, phần nhận định của Quyết định giám đốc thẩm có nêu: *“khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H với vợ chồng ông H, bà Đ thì Tòa án cần xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký giữa vợ chồng ông H, bà Đ với bà H nêu trên để giải quyết triệt để vụ án.*

Việc xử lý tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 329-3 tờ bản đồ số 173-ĐC, khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nêu trên thì sẽ được cơ quan có thẩm quyền căn cứ Điều 47 Luật Thi hành án dân sự để thi hành”.

[2] Ngày 03/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý lại vụ án số: 165/2017/TLST-DS ngày 03/10/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” trong khi bà H không có đơn khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Quá trình hòa giải, bà H chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với khoản nợ vay; tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2019 (BL135-136) bà H yêu cầu ông H, bà Đ trả 230.000.000đ gốc và yêu cầu trả lãi từ ngày 01/5/2012 đến ngày 30/7/2019 là 4 năm 6 tháng x 230.000.000đ x 7%/năm = 72.036.000đ.

[3] Đối với tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa bà H với ông H, bà Đ, tại phiên tòa ngày 10/3/2020, ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Hợp đồng vì không còn hiệu lực, do trong quá trình giải quyết thi hành án thì quyền sử dụng đất tại thị xã S đã giao toàn bộ cho ông A sở hữu; về hậu quả bà H không yêu cầu gì. Mặc dù bà H không có đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết.

[4] Mặt khác, bà H không có đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng ngày 29/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố T vẫn Thông báo cho bà H nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung (đối với yêu cầu tiền lãi và yêu cầu hủy Hợp đồng) với số tiền 1.800.000đ nhưng không tính rõ số tiền tạm ứng án phí đối với từng yêu cầu, cụ thể: Về khoản tiền lãi là bao nhiêu; về yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là bao nhiêu. Trong khi bà H yêu cầu vợ chồng H, bà Đ phải trả lãi tính đến ngày 30/7/2019 là 72.036.000đ và theo quy định số tiền tạm ứng phải nộp 1.800.900đ ($72.036.000đ \times 5\% : 2 = 1.800.900đ$) như vậy, đủ cơ sở xác định đối với yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà H chưa nộp tiền tạm ứng án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết.

[5] Hơn nữa, ngày 17/9/2019 Tòa án cấp sơ thẩm Thông báo số 165A/TB-TLVA về việc thụ lý vụ án bổ sung đưa thêm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng và vụ án được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 10/3/2020. Nhưng tại Bản án dân sự phúc thẩm số 43/2020/DS-PT ngày 11/8/2020 đã hủy Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 10/3/2020. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý lại vụ án số 114/2020/TLST-DS ngày 11/9/2020 và giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 28/3/2022, bà H không đồng ý với quyết định của Bản án trên nên bà H kháng cáo đề nghị hủy Bản án số 22/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 về phần giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa ông H, bà Đ với bà H theo quy định pháp luật là có cơ sở.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Việc Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết quan hệ tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi không có đơn khởi kiện của nguyên đơn và nguyên đơn chưa nộp tiền tạm ứng án phí là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự “1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.

[7] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Theo Quyết định giám đốc thẩm

số 92/2017/DS-GĐT ngày 28/8/2017 của Ủy ban Thẩm Phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy Quyết định số 37/2012/QĐST- DS ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Vụ án được thụ lý và giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H phải trả cho bà H số tiền gốc 540.000.000đ và 249.682.282đ tiền lãi. Đồng thời, Buộc bà Bùi Thị Bích H phải hoàn trả cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố T số tiền 309.374.080đ (ba trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm tám mươi đồng), thực chất số tiền 309.374.080đ là tiền thu được khi bán đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 329-3 tờ bản đồ số 173-ĐC, khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T giao số tiền 309.374.080đ cho bà H để thi hành án một phần khoản tiền mà bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H trả cho bà Bùi Thị Bích H trong số tiền gốc 540.000.000đ, như các Quyết định số 18/QĐ-CCThA ngày 03/10/2012; Quyết định cưỡng chế xử lý tài sản kê biên thi hành án số 07/QĐ-THA ngày 18/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T đối với nhà đất tại khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên đang còn hiệu lực pháp luật là chưa đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Điều 47 Luật Thi hành án dân sự) và trái Quyết định giám đốc thẩm 92/2017/DS-GĐT ngày 28/8/2017, của Ủy ban Thẩm Phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng “*Việc xử lý tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 329-3 tờ bản đồ số 173-ĐC, khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nêu trên thì sẽ được cơ quan có thẩm quyền căn cứ Điều 47 Luật Thi hành án dân sự để thi hành*”.

[8] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để thụ lý giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Tuyên xử:

1. Hủy án bản án sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Bích H với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm được giải quyết lại khi cấp sơ thẩm quyết định. Về án phí phúc thẩm: Do án bị hủy nên người kháng cáo bà Bùi Thị Bích H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0005197 ngày 19/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP Tuy Hòa(2);
- CCTHADSTP Tuy Hòa;
- P.KTNV THAHS;
- P.TCCB;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Chịu